

Số: 15 /NQ-TTHĐND

Kế Sắt, ngày 26 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2025
và giao dự toán bổ sung ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp**

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KẾ SẮT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Giang về việc phương án xử lý ngân sách huyện Bình Giang năm 2025 khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức Chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kế Sắt Về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ các Quyết định phân bổ, chuyển nguồn chi tiết của Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã trước sắp xếp;

Căn cứ Công văn số 5063/STC-QLNS ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng về việc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét đề nghị của UBND xã Kế Sắt tại Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2025 và giao dự toán bổ sung ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp, như sau:

1. Điều chỉnh, phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2025, như sau:

1.1. Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, cụ thể như sau:

- Giảm dự toán chi thường xuyên của Văn phòng Đảng ủy xã:
10.445.000.000 đồng (Mười tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng chẵn);

- Giảm dự toán chi thường xuyên của Ủy ban MTTQ VN xã: 5.867.000.000 đồng (*Năm tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu đồng chẵn*);

- Giảm dự toán chi thường xuyên của Phòng Văn hóa - Xã hội: 48.919.717.272 đồng (*Bốn mươi tám tỷ chín trăm mười chín triệu bảy trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng chẵn*);

- Giảm dự toán chi thường xuyên của Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông: 515.270.448 đồng (*Năm trăm mười lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng chẵn*);

- Phân bổ dự toán chi thường xuyên cho Văn phòng HĐND và UBND xã: 66.507.312.995 đồng (*Sáu mươi sáu tỷ năm trăm linh bảy triệu ba trăm mười hai nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng chẵn*).

1.2. Phân bổ dự toán chi thường xuyên (chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề) cho Khối trường học tổng số tiền là 760.325.275 đồng (*Bảy trăm sáu mươi triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng chẵn*).

1.3. Phân bổ Dự phòng ngân sách xã năm 2025 với tổng số tiền là 2.467.038.044 đồng (*Hai tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu không trăm ba mươi tám nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng chẵn*), cụ thể như sau:

- Phân bổ Dự phòng ngân sách xã cho Văn phòng HĐND và UBND xã: 1.968.526.044 đồng (*Một tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng chẵn*);

- Phân bổ Dự phòng ngân sách xã cho Văn phòng Đảng ủy xã: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng chẵn*);

- Phân bổ Dự phòng ngân sách xã cho Phòng Kinh tế xã: 131.379.000 đồng (*Một trăm ba mươi một triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn*);

- Phân bổ dự phòng ngân sách xã cho Trường THCS Vĩnh Hồng 67.133.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn*).

(Chi tiết theo các Phụ lục 1,2,4 đính kèm).

2. Giao dự toán bổ sung ngân sách xã năm 2025 tổng số tiền là: 21.930.613.045 đồng (*Hai mươi một tỷ, chín trăm ba mươi triệu, sáu trăm mười ba nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng chẵn*), cụ thể như sau:

- Giao dự toán bổ sung ngân sách xã cho Văn phòng HĐND và UBND xã: 18.422.577.735 đồng (*Mười tám tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng chẵn*);

- Giao dự toán bổ sung ngân sách xã cho Phòng Kinh tế xã: 780.750.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*);

- Giao dự toán bổ sung ngân sách xã cho Khối trường học: 2.727.285.310 đồng (*Hai tỷ bảy trăm hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm mười đồng chẵn*).

(Chi tiết theo các Phụ lục 3,4 đính kèm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung bởi Điểm a Khoản 4 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024) bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

- Giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Tổ chức đồng bộ các giải pháp, trên cơ sở bám sát điều hành của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, HĐND-UBND thành phố về dự toán ngân sách năm 2025 và tình hình thực tế tại địa phương. Chỉ đạo điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp và ngân sách địa phương.

- Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế của hệ thống hành chính; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết của Trung ương. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, chế độ tự kiểm tra tài chính, kế toán trong các đơn vị sử dụng ngân sách.

- Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chỉ cho bộ máy quản lý nhà nước, chỉ hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

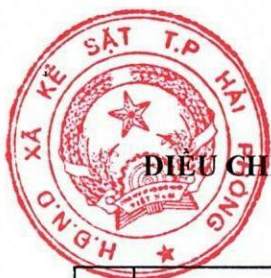
Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND Tp;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- TT UBMTTQVN xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các ban HĐND xã;
- Lưu: VP.



Bùi Sỹ Hoàn



PHỤ LỤC 1

ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Nghị quyết số **15** /NQ-TTHĐND ngày **26** tháng **8** năm 2025 của HĐND xã Kè Sắt)

TT	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ			DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ		
	Đơn vị	Nội dung	Số tiền (đồng)	Đơn vị	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN		-66.507.312.995			66.507.312.995
1	Văn phòng Đảng ủy xã	Chi hoạt động của cơ quan quản lý địa phương, đảng, đoàn thể	-10.445.000.000	Văn phòng HĐND và UBND xã	Chi hoạt động của cơ quan quản lý địa phương, đảng, đoàn thể	10.445.000.000
2	UB MTTQ VN xã	Chi hoạt động của cơ quan quản lý địa phương, đảng, đoàn thể	-5.867.000.000		Chi hoạt động của cơ quan quản lý địa phương, đảng, đoàn thể	5.867.000.000
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-5.545.779.322		Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.545.779.322
		Chi bảo đảm xã hội	-43.373.937.950		Chi bảo đảm xã hội	43.373.937.950
4	Trung tâm Văn hóa TT&TT	Chi văn hóa thông tin	-344.300.140		Chi văn hóa thông tin	344.300.140
		Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-161.132.008		Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	161.132.008
		Chi thể dục thể thao	-9.838.300		Chi thể dục thể thao	9.838.300
5	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-760.325.275	Khối trường học	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	760.325.275
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-5.537.500	Trường Mầm non Hùng Thắng	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.537.500
Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường						5.537.500
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-237.709.500	Trường Mầm non Kè Sắt	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	237.709.500
Theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường						217.519.000
Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường						16.778.000
Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường						3.412.500
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	160.007.000	Trường Mầm non Vĩnh Hưng	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-160.007.000
Theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường						-217.519.000
Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường						52.237.000
Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường						5.275.000

TT	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ			DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ		
	Đơn vị	Nội dung	Số tiền (đồng)	Đơn vị	Nội dung	Số tiền (đồng)
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-58.226.500	Trường Mầm non Vĩnh Hồng	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	58.226.500
		Theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				42.500.000
		Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường				12.589.000
		Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				3.137.500
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-96.491.000	Trường Tiểu học Hùng Thắng	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	96.491.000
		Theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				22.200.000
		Theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				-105.481.000
		Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường				31.272.000
		Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				14.415.000
		Theo Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				134.085.000
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	364.816.000	Trường Tiểu học Vĩnh Hưng	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-364.816.000
		Theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				-44.000.000
		Theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				-387.965.000
		Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường				54.234.000
		Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				12.915.000
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-65.547.000	Trường Tiểu học Vĩnh Hồng	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	65.547.000
		Theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				25.364.000
		Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường				-25.364.000
		Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường				168.841.000
		Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				30.030.000
		Theo Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				-133.324.000
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-343.085.000	Trường Tiểu học Kê Sắt	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	343.085.000
		Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường				115.900.000
		Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				6.750.000
		Theo Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				220.435.000
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-44.956.500	Trường THCS Hùng Thắng	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	44.956.500
		Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường				33.969.000
		Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường				10.987.500

TT	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ			DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ		
	Đơn vị	Nội dung	Số tiền (đồng)	Đơn vị	Nội dung	Số tiền (đồng)
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-125.681.500	Trường THCS Vĩnh Hưng	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	125.681.500
	Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường					93.989.000
	Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường					14.937.500
	Theo Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường					16.755.000
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-310.141.275	Trường THCS Vĩnh Hồng	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	310.141.275
	Theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường					179.987.000
	Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường					69.489.000
	Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường					60.665.275
-	Dự toán chưa phân bổ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.227.500	Trường THCS Kẽ Sặt	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-2.227.500
	Theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường					28.051.000
	Theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung Kp cho các trường					42.559.000
	Theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường					17.162.500
	Theo Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường					-90.000.000
II	PHÂN BỐ DỰ PHÒNG NSX		2.467.038.044			2.467.038.044
1	Dự phòng Ngân sách xã		1.968.526.044	Văn phòng HĐND và UBND xã		1.968.526.044
	QĐ 1887/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ cấp BS kp cho Ban Tổ chức huyện ủy (Kinh phí thực hiện nhiệm vụ sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu... lưu trữ phục vụ cho công tác quản lý, bàn giao khi kết thúc hoạt động cấp huyện.) (Số đã chi hết 30/6 phân bổ VP HĐND và UBND quyết toán)					290.000.000
	QĐ 1887/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ cấp BS kp cho Phòng giáo dục và Đào tạo (Kinh phí tổ chức đại hội Câu lạc bộ thơ Đường An - Bình Giang lần thứ 3 nhiệm kỳ 2025-2030) (Số đã chi hết 30/6 phân bổ VP HĐND và UBND quyết toán)					30.000.000
	QĐ 1975/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ Bs kp cho Hội chữ thập đỏ (phụ cấp công vụ theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ (từ tháng 12/2024 đến tháng 12/2025) (Số đã chi hết 30/6 phân bổ VP HĐND và UBND quyết toán)					37.960.650
	QĐ 751/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ Bs kp cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường (chi trả chế độ trợ cấp thôi việc của bà Nguyễn Thị Hải Hòa.) (Số đã chi hết 30/6 phân bổ VP HĐND và UBND quyết toán)					64.233.000
	QĐ 2397/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ BS kp cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường (thực hiện xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025) (Số đã chi hết 30/6 phân bổ VP HĐND và UBND quyết toán)					373.962.000

TT	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ			DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ		
	Đơn vị	Nội dung	Số tiền (đồng)	Đơn vị	Nội dung	Số tiền (đồng)
	QĐ 2205/QĐ-UBND ngày 22/05/2025 của UBND huyện Bình Giang Bs kp cho Đội thuế liên huyện Cẩm Bình - Thanh Miện chi Hỗ trợ kinh phí thực hiện triển khai công tác quản lý thuế hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn huyện Bình Giang và các nhiệm vụ chuyên môn khác (Số đã chi hết 30/6 phân bổ VP HĐND và UBND quyết toán)					77.000.000
	QĐ 2205/QĐ-UBND ngày 22/5/2025 của UBND huyện BG cũ Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ Quốc lộ 5 qua địa bàn xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang cũ. (Số đã chi hết 30/6 phân bổ VP HĐND và UBND quyết toán)					75.000.000
	QĐ 2819/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện BG cũ BS các xã để thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 (phân bổ VP HĐND và UBND thanh quyết toán)					201.931.000
	QĐ 2772/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ BSKP mua sắm, sửa chữa, cải tạo trụ sở ..đảm bảo các hoạt động của chính quyền cấp xã mới (phân bổ cho VP HĐND và UBND thực hiện)					400.000.000
	QĐ 2200/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ BSKP từ nguồn dự phòng xã để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, nhiệm vụ phát sinh khác (4 xã 776trđ) (Số đã chi hết 30/6 phân bổ VP HĐND và UBND quyết toán)					418.439.394
2	Dự phòng Ngân sách xã		300.000.000	Văn phòng Đảng ủy xã		300.000.000
	QĐ 2772/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ BSKP mua sắm, sửa chữa, cải tạo trụ sở ..đảm bảo các hoạt động của chính quyền cấp xã mới (phân bổ cho Văn phòng Đảng ủy xã thực hiện)					300.000.000
3	Dự phòng Ngân sách xã		131.379.000	Phòng Kinh tế		131.379.000
	QĐ 2397/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ BS kp cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường (thực hiện xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025) (Số dự toán còn lại chưa chi giao Phòng Kinh tế tiếp tục thực hiện)					131.379.000
4	Dự phòng Ngân sách xã		67.133.000	Trường THCS Vĩnh Hồng		67.133.000
	Theo Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ thu hồi, bổ sung Kp cho các trường					67.133.000



DVT: Đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐÀO NGHE	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TTATXH	CHI BẢO ĐAM XÃ HỘI	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	CHI KHÁC	TIẾT KIỆM 10% CHI TX THEO NQ 173	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH
											CHI GIAO THÔNG, THỊ CHÍNH	CHI NÔNG NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN	CHI SƯ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC							
A	B	1=2+...+9+13+...+19	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ (I+II+III)	248.213.000.000	112.571.000.000	-	269.000.000	2.074.000.000	650.000.000	348.000.000	1.882.000.000	9.983.000.000	2.242.000.000	2.382.000.000	5.359.000.000	55.923.000.000	6.575.000.000	47.108.000.000	3.300.000.000	308.000.000	274.000.000	6.948.000.000
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	3.300.000.000	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	3.300.000.000	-	-	
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	237.965.000.000	112.571.000.000	-	269.000.000	2.074.000.000	650.000.000	348.000.000	1.882.000.000	9.983.000.000	2.242.000.000	2.382.000.000	5.359.000.000	55.923.000.000	6.575.000.000	47.108.000.000	-	308.000.000	274.000.000	-
1	Văn phòng Đảng ủy xã	4.848.000.000												4.848.000.000						
2	Văn phòng HĐND và UBND xã	111.854.987.720	5.545.779.322			344.300.140	161.132.008	9.838.300	1.882.000.000	9.225.000.000	2.242.000.000	1.624.000.000	5.359.000.000	44.156.000.000	6.575.000.000	43.373.937.950	-	308.000.000	274.000.000	
-	Số huyện cũ đã chi đến 30/6/2025 chuyển về	73.168.577.846	5.545.779.322						1.462.678.050	738.378.027	306.797.927	431.580.100		20.424.130.217	2.254.635.980	42.469.976.250		273.000.000		
-	Số xã cũ đã chi đến 30/6/2025 chuyển về	18.255.035.505				344.300.140	161.132.008	9.838.300		1.332.367.600		245.505.600	1.086.862.000	13.163.977.605	2.339.458.152	903.961.700				
-	Dự toán 6 tháng cuối năm	20.431.374.369							419.321.950	7.154.254.373	1.935.202.073	946.914.300	4.272.138.000	10.567.892.178	1.980.905.868			35.000.000	274.000.000	
3	Phòng Kinh tế	2.250.000.000								758.000.000		758.000.000		1.492.000.000						
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	5.503.282.728	244.220.678		269.000.000									1.256.000.000		3.734.062.050				
5	UBND TTQ VN xã	1.733.000.000												1.733.000.000						
6	Trung tâm PVHCC xã	1.214.000.000												1.214.000.000						
7	Trung tâm Văn hóa TT&TT	2.556.729.552				1.729.699.860	488.867.992	338.161.700												
-	Số huyện cũ đã chi đến 30/6/2025 chuyển về	1.554.010.140				1.554.010.140														
-	Dự toán 6 tháng cuối năm	1.002.719.412				175.689.720	488.867.992	338.161.700												
8	Trung tâm Chính trị	2.459.000.000	2.459.000.000																	
-	Số huyện cũ đã chi đến 30/6/2025 chuyển về	985.717.918	985.717.918																	
-	Dự toán 6 tháng cuối năm	1.473.282.082	1.473.282.082																	
9	Trường Mầm non Hùng Thắng	5.245.537.500	5.245.537.500																	
	Nguồn 13	5.245.537.500	5.245.537.500																	
10	Trường Mầm non Kế Sặt	7.006.709.500	7.006.709.500																	
	Nguồn 13	7.006.709.500	7.006.709.500																	
11	Trường Mầm non Vĩnh Hưng	7.404.993.000	7.404.993.000																	
	Nguồn 13	7.404.993.000	7.404.993.000																	
12	Trường Mầm non Vĩnh Hồng	7.715.226.500	7.715.226.500																	
	Nguồn 13	7.676.226.500	7.676.226.500																	
	Nguồn 12	39.000.000	39.000.000																	
13	Trường Tiểu học Hùng Thắng	5.950.491.000	5.950.491.000																	
	Nguồn 13	5.584.291.000	5.584.291.000																	
	Nguồn 12	366.200.000	366.200.000																	
14	Trường Tiểu học Vĩnh Hưng	9.449.184.000	9.449.184.000																	
	Nguồn 13	9.049.184.000	9.049.184.000																	
	Nguồn 12	400.000.000	400.000.000																	
15	Trường Tiểu học Vĩnh Hồng	9.716.547.000	9.716.547.000																	
	Nguồn 13	9.559.947.000	9.559.947.000																	
	Nguồn 12	156.600.000	156.600.000																	
16	Trường Tiểu học Kế Sặt	15.512.085.000	15.512.085.000																	
	Nguồn 13	15.212.085.000	15.212.085.000																	
	Nguồn 12	300.000.000	300.000.000																	

[illegible]



PHỤ LỤC 3

GIAO DỰ TOÁN BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025 SAU SẮP XẾP

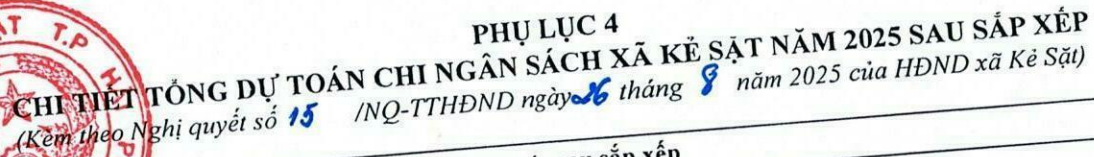
(Kèm theo Nghị quyết số **15** /NQ-TTHĐND ngày **26** tháng **8** năm 2025 của HĐND xã Kê Sắt)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	Tổng cộng	21.930.613.045
1	Văn phòng HĐND và UBND xã	18.422.577.735
1.1	Nguồn chuyển nguồn huyện, xã cũ	10.463.430.535
-	Từ nguồn chuyển nguồn sau 30/9 NS huyện cũ	5.754.709.775
	QĐ 919/QĐ-UBND ngày 14/03/2025 của UBND huyện Bình Giang chi Chuyển nguồn cho Vp HĐND và UBND huyện cũ mua máy photocopy	75.000.000
	QĐ 589/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND huyện Bình Giang chi Chuyển nguồn cho Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện cũ hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập 2024 theo ND/2023	3.804.000.000
	QĐ 589/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND huyện Bình Giang chi Chuyển nguồn cho Vp HĐND và UBND huyện cũ chúc thọ người cao tuổi	709.775
	QĐ 2862/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang và BSMT NST qđ 299 11/2/2025 thực hiện K2 Đ15 ND 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024	1.875.000.000
-	Từ nguồn chuyển nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NS huyện cũ	4.536.211.640
	Quyết định 1214/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện Bình Giang BS kp cho Phòng Nội vụ huyện cũ (đã chi Trợ cấp thôi việc cho Hạt Giao thông huyện cũ)	986.005.800
	QĐ 1116/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Bình Giang đã chi hỗ trợ phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bình Giang bổ sung nguồn vốn uỷ thác cho Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện cho vay Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn năm 2025.	1.500.000.000
	Các QĐ 1221/QĐ-UBND 11/4/2025; 2398/QĐ-UBND 29/5/2025; 2795/QĐ-UBND 16/6/2025 UBND Huyện Bình Giang cũ đã chi hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho người từ đủ 65 tuổi đến dưới 77 tuổi và người thu gom rác thải trên địa bàn huyện Bình Giang	1.250.205.840
	QĐ 1116/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Bình Giang để thực hiện thí điểm mô hình phân loại rác (Vĩnh Hồng+Hùng Thắng)	800.000.000
-	Từ nguồn chuyển nguồn các xã cũ	172.509.120
	Chuyển nguồn ngân sách xã Vĩnh Hồng cũ	172.509.120
1.2	Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh cho NS huyện, xã cũ	3.595.087.200
	Quyết định số 1897/QĐ-UBND, ngày 28/4/2025 của UBND huyện Bình Giang triển khai, thực hiện lấy ý kiến cử tri và thông qua HĐND cấp xã pv thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, xã huyện Bình Giang (Kê Sắt sn từ 4 xã x 100trd/xã)	400.000.000
	QĐ 2396/QĐ-UBND 29/5/2025 của UBND huyện BG để thực hiện NQ 37/2024/NQ-HĐND tỉnh HD (từ 4 xã cũ) (Số đã chi 30/6)	780.750.000
	QĐ 752/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND huyện Bình Giang BS kp cho các xã cũ để xóa nhà tạm, nhà dột nát	870.000.000

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	QĐ 2534/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của UBND huyện Bình Giang BS kp cho các xã cũ để xóa nhà tạm, nhà dột nát (lần 2)	480.000.000
	QĐ 2862/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang BS kp cho các xã cũ để trồng cây xanh	250.000.000
	QĐ 2064/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang bs kp cho Văn phòng HĐND và UBND huyện Bình Giang chi chế độ chính sách cho ông Thái theo NQ 01/2025NQ-HĐND tỉnh HD	112.320.000
	QĐ 2064/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang bs kp cho Nông nghiệp và Môi trường huyện Bình Giang chi chế độ chính sách cho ông Cường theo NQ 01/2025NQ-HĐND tỉnh HD	92.664.000
	Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp Bs kp cho Phòng nội vụ (chi công tác sáp nhập)	260.210.000
	QĐ 753/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ Bs kp cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường chi mua thuốc diệt chuột	349.143.200
1.3	Nguồn chuyển nguồn CCTL huyện cũ	4.364.060.000
	QĐ 2647/QĐ-UBND ngày 11/6/2025; QĐ 1217/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp cho Phòng Nội vụ cũ chi thực hiện NĐ 178/2024/NĐ-CP và NĐ 67/2025/NĐ-CP	1.807.884.000
	QĐ 2647/QĐ-UBND ngày 11/6/2025; QĐ 1217/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp cho Phòng Nông nghiệp cũ chi thực hiện NĐ 178/2024/NĐ-CP và NĐ 67/2025/NĐ-CP	2.556.176.000
2	Phòng Kinh tế	780.750.000
	QĐ 2396/QĐ-UBND 29/5/2025 của UBND huyện BG để thực hiện NQ 37/2024/NQ-HĐND tỉnh HD (từ 4 xã cũ) (dự toán còn lại)	780.750.000
3	Khởi trường học	2.727.285.310
3.1	Nguồn chuyển nguồn CCTL NS huyện cũ	20.788.310
	Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 27/03/2025 của UBND huyện Bình Giang vv chi chuyển nguồn (trong đó chuyển nguồn CCTL cho Trường Tiểu học Vĩnh Hồng nguồn 13)	20.788.310
3.2	Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh cho NS huyện cũ	2.120.220.000
-	Theo Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp BS kp cho các trường	1.860.000.000
	Trường Mầm non Hùng Thắng	348.000.000
	Trường Mầm non Kê Sắt	480.000.000
	Trường Mầm non Vĩnh Hưng	468.000.000
	Trường Mầm non Vĩnh Hồng	564.000.000
-	Theo Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp BS kp cho các trường	260.220.000
	Trường THCS Hùng Thắng	32.527.000
	Trường THCS Vĩnh Hưng	65.055.000
	Trường THCS Vĩnh Hồng	65.055.000
	Trường THCS Kê Sắt	97.583.000
3.3	Nguồn chuyển nguồn NS huyện cũ (CN BSMT NS tỉnh)	586.277.000
-	Theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp BS kp cho các trường	586.277.000
	Trường Mầm non Hùng Thắng	68.227.000
	Trường Mầm non Kê Sắt	72.491.000
	Trường Mầm non Vĩnh Hưng	88.942.000

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	Trường Mầm non Vĩnh Hồng	86.262.000
	Trường Tiểu học Hùng Thắng	26.536.000
	Trường Tiểu học Vĩnh Hưng	62.328.000
	Trường Tiểu học Vĩnh Hồng	42.813.000
	Trường Tiểu học Kê Sặt	80.857.000
	Trường THCS Vĩnh Hưng	16.110.000
	Trường THCS Vĩnh Hồng	19.046.000
	Trường THCS Kê Sặt	22.665.000

Đơn vị: Đồng

CHI TIẾT TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ KÊ SẮT										Đơn vị: Đồng	
(Kèm theo Nghị quyết số 15 /NQ-TTHĐND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Kê Sặt)											
Dự toán sau sắp xếp											
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Dự toán chi ngân sách xã sau điều chỉnh (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)	Dự toán bổ sung trước sắp nhập (Theo các quyết định trước sắp xếp do UBND huyện phân bổ chi tiết, UBND xã phân bổ chi tiết)					Số đã chi đến hết tháng 6/2025 (theo số liệu đối chiếu với KBNN ngày 30/6/2025)	Dự toán còn lại	
				Tổng cộng	Từ nguồn tỉnh	Từ nguồn huyện	Từ nguồn xã	Từ nguồn khác			
		3=4+5	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11=3-10	
1	2	346.525.262.149	248.213.000.000	98.312.262.149	50.657.183.200	42.499.282.780	5.155.796.169	-	241.123.300.495	105.401.961.654	
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	79.681.649.104	3.300.000.000	76.381.649.104	44.161.126.000	27.237.236.055	4.983.287.049	-	79.515.270.013	166.379.091	
I	CHI ĐẦU TƯ	4.263.879.349	3.300.000.000	963.879.349	-	-	963.879.349	-	4.263.879.349	-	
1	Chi đầu tư từ tiền đất	3.300.000.000	3.300.000.000	-	-	-	-	-	3.300.000.000	-	
-	Chi DT từ thu tiền đất tỉnh giao	963.879.349	-	963.879.349	-	-	963.879.349	-	963.879.349	-	
-	Chi DT từ tăng thu tiền đất các xã cũ đến 30/6/2025 sau sắp xếp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Chi tiết:										
-	Theo các quyết định xã Hùng Thắng cũ nhập KHV đến 30/6/2025	1.790.228.538	3.300.000.000	963.879.349	-	-	963.879.349	-	1.790.228.538	-	
-	Theo các quyết định xã Vĩnh Hồng cũ nhập KHV đến 30/6/2025	2.473.650.811	-	75.417.769.755	44.161.126.000	27.237.236.055	4.019.407.700	-	2.473.650.811	-	
2	Dự toán bổ sung trước sắp xếp	75.417.769.755	-	44.161.126.000	44.161.126.000	-	-	-	75.251.390.664	166.379.091	
2.1	Từ nguồn BSMT NS tỉnh đã bổ sung cho các xã cũ trước sắp xếp	44.161.126.000	-	44.161.126.000	44.161.126.000	-	-	-	44.107.733.909	53.392.091	
-	Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang V/v Bổ sung Kp cho UBND các xã	44.161.126.000	-	44.161.126.000	44.161.126.000	-	-	-	44.107.733.909	53.392.091	
2.2	Từ nguồn BSMT NS huyện đã bổ sung cho các xã cũ trước sắp xếp	27.237.236.055	-	27.237.236.055	-	27.237.236.055	-	-	27.124.249.055	112.987.000	
-	QĐ 1116/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Bình Giang từ nguồn chuyển nguồn ngân sách huyện BS, hỗ trợ UBND các xã	25.854.191.055	-	25.854.191.055	-	25.854.191.055	-	-	25.854.191.055	-	
-	QĐ 2203/QĐ-UBND ngày 22/5/2025 của UBND huyện Bình Giang bs Kp hỗ trợ UBND xã lập quy hoạch chung xã cũ từ tiền đất	1.383.045.000	-	1.383.045.000	-	1.383.045.000	-	-	1.270.058.000	112.987.000	
2.3	Từ nguồn NS xã cũ	4.019.407.700	-	4.019.407.700	-	-	4.019.407.700	-	4.019.407.700	-	
-	Từ nguồn chuyển nguồn xã Vĩnh Hồng cũ nhập KHV	4.019.407.700	-	4.019.407.700	-	-	4.019.407.700	-	4.019.407.700	-	

2

STT	Tên đơn vị	Dự toán sau sắp xếp							Số đã chi đến hết tháng 6/2025 (theo số liệu đối chiếu với KBNN ngày 30/6/2025)	Dự toán còn lại
		Tổng cộng	Dự toán chi ngân sách xã sau điều chỉnh (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)	Dự toán bổ sung trước sáp nhập (Theo các quyết định trước sắp xếp do UBND huyện phân bổ chi tiết, UBND xã phân bổ chi tiết)						
				Tổng cộng	Từ nguồn tỉnh	Từ nguồn huyện	Từ nguồn xã	Từ nguồn khác		
		3=4+5	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11=3-10
I		259.895.613.045	237.965.000.000	21.930.613.045	6.496.057.200	15.262.046.725	172.509.120	-	160.040.963.438	99.854.649.607
II	CHI THUỜNG XUYỀN	4.848.000.000	4.848.000.000	-	-	-	-	-	-	4.848.000.000
1	Văn phòng Đảng ủy	130.277.565.455	111.854.987.720	18.422.577.735	3.595.087.200	14.654.981.415	172.509.120	-	107.510.150.880	22.767.414.575
2	Văn phòng HĐND và UBND xã	111.854.987.720	111.854.987.720	-	-	-	-	-	91.423.613.351	20.431.374.369
2.1	Dự toán đã giao	18.422.577.735	-	18.422.577.735	3.595.087.200	14.654.981.415	172.509.120	-	16.086.537.529	2.336.040.206
2.2	Dự toán bổ sung trước sắp xếp	10.463.430.535	-	10.463.430.535	-	10.290.921.415	172.509.120	-	8.379.748.515	2.083.682.020
a	Nguồn chuyển nguồn huyện, xã cũ	5.754.709.775	-	5.754.709.775	-	5.754.709.775	-	-	3.879.709.775	1.875.000.000
-	Từ nguồn chuyển nguồn sau 30/9 NS huyện cũ								75.000.000	-
	QĐ 919/QĐ-UBND ngày 14/03/2025 của UBND huyện Bình Giang chỉ Chuyển nguồn cho Vp HĐND và UBND huyện cũ mua máy photocopy	75.000.000		75.000.000		75.000.000				
	QĐ 589/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND huyện Bình Giang chỉ Chuyển nguồn cho Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện cũ hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập 2024 theo NĐ/2023	3.804.000.000		3.804.000.000		3.804.000.000			3.804.000.000	-
	QĐ 589/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND huyện Bình Giang chỉ Chuyển nguồn cho Vp HĐND và UBND huyện cũ chúc thọ người cao tuổi	709.775		709.775		709.775			709.775	-
	QĐ 2862/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang và BSMT NST qđ 299 11/2/2025 thực hiện K2 Đ15 NĐ 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024	1.875.000.000		1.875.000.000		1.875.000.000			-	1.875.000.000
-	Từ nguồn chuyển nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NS huyện cũ	4.536.211.640	-	4.536.211.640	-	4.536.211.640	-	-	4.327.529.620	208.682.020

3

STT	Tên đơn vị	Dự toán sau sắp xếp							Số đã chi đến hết tháng 6/2025 (theo số liệu đối chiếu với KBNN ngày 30/6/2025)	Dự toán còn lại	
		Tổng cộng	Dự toán chi ngân sách xã sau điều chỉnh (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)	Dự toán bổ sung trước sáp nhập (Theo các quyết định trước sắp xếp do UBND huyện phân bổ chi tiết, UBND xã phân bổ chi tiết)							
				Tổng cộng	Từ nguồn tỉnh	Từ nguồn huyện	Từ nguồn xã	Từ nguồn khác			
1	2	3=4+5	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11=3-10	
	Quyết định 1214/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện Bình Giang BS kp cho Phòng Nội vụ huyện cũ (đã chi Trợ cấp thôi việc cho Hạt Giao thông huyện cũ)	986.005.800		986.005.800		986.005.800				986.005.800	-
	QĐ 1116/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Bình Giang đã chỉ hỗ trợ phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bình Giang bổ sung nguồn vốn uỷ thác cho Ngân hàng chính xã hội thực hiện cho vay Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn năm 2025.	1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000				1.500.000.000	-
	Các QĐ 1221/QĐ-UBND 11/4/2025; 2398/QĐ-UBND 29/5/2025; 2795/QĐ-UBND 16/6/2025 UBND Huyện Bình Giang cũ đã chỉ hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho người từ đủ 65 tuổi đến dưới 77 tuổi và người thu gom rác thải trên địa bàn huyện Bình Giang	1.250.205.840		1.250.205.840		1.250.205.840				1.250.205.840	-
	QĐ 1116/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Bình Giang để thực hiện thí điểm mô hình phân loại rác (Vĩnh Hồng+Hùng Thắng)	800.000.000		800.000.000		800.000.000				800.000.000	-
-	Từ nguồn chuyển nguồn các xã cũ	172.509.120		172.509.120			172.509.120			172.509.120	-
	Chuyển nguồn xã Vĩnh Hồng cũ	172.509.120		172.509.120			172.509.120			172.509.120	-
b	Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh cho NS huyện, xã cũ	3.595.087.200	-	3.595.087.200	3.595.087.200		-	-	-	3.342.729.014	252.358.186

4

STT	Tên đơn vị	Dự toán sau sắp xếp							Số đã chi đến hết tháng 6/2025 (theo số liệu đối chiếu với KBNN ngày 30/6/2025)	Dự toán còn lại
		Tổng cộng	Dự toán chi ngân sách xã sau điều chỉnh (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)	Dự toán bổ sung trước sáp nhập (Theo các quyết định trước sắp xếp do UBND huyện phân bổ chi tiết, UBND xã phân bổ chi tiết)						
				Tổng cộng	Từ nguồn tỉnh	Từ nguồn huyện	Từ nguồn xã	Từ nguồn khác		
1	2	3=4+5	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11=3-10
	Quyết định số 1897/QĐ-UBND, ngày 28/4/2025 của UBND huyện Bình Giang triển khai, thực hiện lấy ý kiến cử tri và thông qua HĐND cấp xã pv thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, xã huyện Bình Giang (Kê Sắt sn từ 4 xã x 100trđ/xã)	400.000.000		400.000.000	400.000.000				397.641.814	2.358.186
	QĐ 2396/QĐ-UBND 29/5/2025 của UBND huyện BG để thực hiện NQ 37/2024/NQ-HĐND tỉnh HD (từ 4 xã cũ) (số xã cũ đã chi)	780.750.000		780.750.000	780.750.000				780.750.000	-
	QĐ 752/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND huyện Bình Giang BS kp cho các xã cũ để xóa nhà tạm, nhà dột nát	870.000.000		870.000.000	870.000.000				870.000.000	-
	QĐ 2534/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của UBND huyện Bình Giang BS kp cho các xã cũ để xóa nhà tạm, nhà dột nát (lần 2)	480.000.000		480.000.000	480.000.000				480.000.000	-
	QĐ 2862/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang BS kp cho các xã cũ để trồng cây xanh	250.000.000		250.000.000	250.000.000				-	250.000.000
	QĐ 2064/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang bs kp cho Văn phòng HĐND và UBND huyện Bình Giang chi chế độ chính sách cho ông Thái theo NQ 01/2025NQ-HĐND tỉnh HD	112.320.000		112.320.000	112.320.000				112.320.000	-

STT	Tên đơn vị	Dự toán sau sắp xếp							Số đã chi đến hết tháng 6/2025 (theo số liệu đối chiếu với KBNN ngày 30/6/2025)	Dự toán còn lại
		Tổng cộng	Dự toán chi ngân sách xã sau điều chỉnh (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)	Dự toán bổ sung trước sáp nhập (Theo các quyết định trước sắp xếp do UBND huyện phân bổ chi tiết, UBND xã phân bổ chi tiết)						
				Tổng cộng	Từ nguồn tỉnh	Từ nguồn huyện	Từ nguồn xã	Từ nguồn khác		
1	2	3=4+5	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11=3-10
	QĐ 2064/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND huyện Bình Giang bs kp cho Nông nghiệp và Môi trường huyện Bình Giang chi chế độ chính sách cho ông Cường theo NQ 01/2025NQ-HĐND tỉnh HD	92.664.000		92.664.000	92.664.000				92.664.000	-
	Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp BS kp cho Phòng nội vụ (chi công tác sáp nhập)	260.210.000		260.210.000	260.210.000				260.210.000	-
	QĐ 753/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ BS kp cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường chi mua thuốc diệt chuột	349.143.200		349.143.200	349.143.200				349.143.200	-
c	Nguồn chuyển nguồn CCTL huyện cũ	4.364.060.000		4.364.060.000		4.364.060.000			4.364.060.000	-
	QĐ 2647/QĐ-UBND ngày 11/6/2025; QĐ 1217/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp cho Phòng Nội vụ cũ chi thực hiện NĐ 178/2024/NĐ-CP và NĐ 67/2025/NĐ-CP	1.807.884.000		1.807.884.000		1.807.884.000			1.807.884.000	-
	QĐ 2647/QĐ-UBND ngày 11/6/2025; QĐ 1217/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp cho Phòng Nông nghiệp cũ chi thực hiện NĐ 178/2024/NĐ-CP và NĐ 67/2025/NĐ-CP	2.556.176.000		2.556.176.000		2.556.176.000			2.556.176.000	-
3	Phòng Kinh tế	3.030.750.000	2.250.000.000	780.750.000	780.750.000	-	-	-	-	3.030.750.000
	Trong đó, Dự toán bổ sung:									
-	QĐ 2396/QĐ-UBND 29/5/2025 của UBND huyện BG để thực hiện NQ 37/2024/NQ-HĐND tỉnh HD (từ 4 xã cũ) (dự toán còn lại)	780.750.000		780.750.000	780.750.000				-	780.750.000

STT	Tên đơn vị	Dự toán sau sắp xếp							Số đã chi đến hết tháng 6/2025 (theo số liệu đối chiếu với KBNN ngày 30/6/2025)	Dự toán còn lại
		Tổng cộng	Dự toán chi ngân sách xã sau điều chỉnh (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)	Dự toán bổ sung trước sáp nhập (Theo các quyết định trước sắp xếp do UBND huyện phân bổ chi tiết, UBND xã phân bổ chi tiết)						
				Tổng cộng	Từ nguồn tỉnh	Từ nguồn huyện	Từ nguồn xã	Từ nguồn khác		
1	2	3=4+5	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11=3-10
4	Phòng Văn hoá - Xã hội	5.503.282.728	5.503.282.728	-					-	5.503.282.728
5	Ủy ban Mặt trận tổ quốc VN xã	1.733.000.000	1.733.000.000	-					-	1.733.000.000
6	Trung tâm PV Hành chính công	1.214.000.000	1.214.000.000	-					-	1.214.000.000
7	Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông	2.556.729.552	2.556.729.552	-					1.554.010.140	1.002.719.412
8	Trung tâm Chính trị	2.459.000.000	2.459.000.000	-					985.717.918	1.473.282.082
9	Các trường học	100.216.610.585	97.489.325.275	2.727.285.310	2.120.220.000	607.065.310	-	-	49.991.084.500	50.225.526.085
-	Trường Mầm non Hùng Thắng	5.661.764.500	5.245.537.500	416.227.000	348.000.000	68.227.000			2.832.846.082	2.828.918.418
-	Trường Mầm non Kê Sắt	7.559.200.500	7.006.709.500	552.491.000	480.000.000	72.491.000			3.680.985.694	3.878.214.806
-	Trường Mầm non Vĩnh Hưng	7.961.935.000	7.404.993.000	556.942.000	468.000.000	88.942.000			3.987.018.638	3.974.916.362
-	Trường Mầm non Vĩnh Hồng	8.365.488.500	7.715.226.500	650.262.000	564.000.000	86.262.000			4.137.113.711	4.228.374.789
-	Trường Tiểu học Hùng Thắng	5.977.027.000	5.950.491.000	26.536.000	-	26.536.000			3.160.582.894	2.816.444.106
-	Trường Tiểu học Vĩnh Hưng	9.511.512.000	9.449.184.000	62.328.000	-	62.328.000			4.816.788.996	4.694.723.004
-	Trường Tiểu học Vĩnh Hồng	9.780.148.310	9.716.547.000	63.601.310	-	63.601.310			4.851.029.323	4.929.118.987
-	Trường Tiểu học Kê Sắt	15.592.942.000	15.512.085.000	80.857.000	-	80.857.000			7.899.616.593	7.693.325.407
-	Trường THCS Hùng Thắng	4.399.483.500	4.366.956.500	32.527.000	32.527.000	-			2.252.253.670	2.147.229.830
-	Trường THCS Vĩnh Hưng	7.107.846.500	7.026.681.500	81.165.000	65.055.000	16.110.000			3.303.162.755	3.804.683.745
-	Trường THCS Vĩnh Hồng	7.439.242.275	7.355.141.275	84.101.000	65.055.000	19.046.000			3.626.282.364	3.812.959.911
-	Trường THCS Kê Sắt	10.860.020.500	10.739.772.500	120.248.000	97.583.000	22.665.000			5.443.403.780	5.416.616.720
10	Dự toán chưa phân bổ	8.056.674.725	8.056.674.725	-					-	8.056.674.725
II	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ	6.948.000.000	6.948.000.000						1.567.067.044	5.380.932.956
1	Văn phòng HĐND và UBND xã	1.968.526.044	1.968.526.044	-	-	-	-	-	1.557.602.044	410.924.000
-	Dự phòng NS huyện cũ	1.550.086.650	1.550.086.650	-	-	-	-	-	1.139.162.650	410.924.000
	QĐ 1887/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp BS kp cho Ban Tổ chức huyện ủy (Kinh phí thực hiện nhiệm vụ sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu... lưu trữ phục vụ cho công tác quản lý, bàn giao khi kết thúc hoạt động cấp huyện.) (Số đã chi hết 30/6)	290.000.000	290.000.000						290.000.000	-

STT	Tên đơn vị	Dự toán sau sắp xếp							Số đã chi đến hết tháng 6/2025 (theo số liệu đối chiếu với KBNN ngày 30/6/2025)	Dự toán còn lại
		Tổng cộng	Dự toán chi ngân sách xã sau điều chỉnh (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)	Dự toán bổ sung trước sắp nhập (Theo các quyết định trước sắp xếp do UBND huyện phân bổ chi tiết, UBND xã phân bổ chi tiết)						
				Tổng cộng	Từ nguồn tỉnh	Từ nguồn huyện	Từ nguồn xã	Từ nguồn khác		
1	2	3=4+5	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11=3-10
	QĐ 1887/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND huyện Bình Giang cấp BS kp cho Phòng giáo dục và Đào tạo (Kinh phí tổ chức đại hội Cầu lạc bộ thơ Đường An- Bình Giang lần thứ 3 nhiệm kỳ 2025-2030) (Số đã chi hết 30/6)	30.000.000	30.000.000						30.000.000	-
	QĐ 1975/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ Bs kp cho Hội chữ thập đỏ (phụ cấp công vụ theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ (từ tháng 12/2024 đến tháng 12/2025)(Số đã chi hết 30/6)	37.960.650	37.960.650						37.960.650	-
	QĐ 751/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND huyện Bình Giang Bs kp cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường (chi trả chế độ trợ cấp thôi việc của bà Nguyễn Thị Hải Hòa.) (Số đã chi hết 30/6)	64.233.000	64.233.000						64.233.000	-
	QĐ 2397/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ BS kp cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường (thực hiện xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025) (Số đã chi hết 30/6)	373.962.000	373.962.000						373.962.000	-

STT	Tên đơn vị	Dự toán sau sắp xếp							Số đã chi đến hết tháng 6/2025 (theo số liệu đối chiếu với KBNN ngày 30/6/2025)	Dự toán còn lại
		Tổng cộng	Dự toán chi ngân sách xã sau điều chỉnh (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)	Dự toán bổ sung trước sáp nhập (Theo các quyết định trước sắp xếp do UBND huyện phân bổ chi tiết, UBND xã phân bổ chi tiết)						
				Tổng cộng	Từ nguồn tỉnh	Từ nguồn huyện	Từ nguồn xã	Từ nguồn khác		
1	2	3=4+5	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11=3-10
	QĐ 2205/QĐ-UBND ngày 22/05/2025 của UBND huyện Bình Giang Bs kp cho Đội thuế liên huyện Cẩm Bình - Thanh Miện chi Hỗ trợ kinh phí thực hiện triển khai công tác quản lý thuế hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn huyện Bình Giang và các nhiệm vụ chuyên môn khác(Số đã chi hết 30/6)	77.000.000	77.000.000						77.000.000	-
	QĐ 2205/QĐ-UBND ngày 22/5/2025 của UBND huyện BG cũ Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ Quốc lộ 5 qua địa bàn xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang cũ. (Số đã chi hết 30/6)	75.000.000	75.000.000						75.000.000	-
	QĐ 2819/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện BG cũ BS các xã để thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.	201.931.000	201.931.000						191.007.000	10.924.000
	QĐ 2772/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND huyện Bình Giang BSKP mua sắm, sửa chữa, cải tạo trụ sở ..đảm bảo các hoạt động của chính quyền cấp xã mới (phân bổ cho VP HĐND và UBND thực hiện)	400.000.000	400.000.000						-	400.000.000
-	Dự phòng NSX cũ	418.439.394	418.439.394	-	-	-	-	-	418.439.394	-
	QĐ 2200/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND huyện Bình Giang BSKP từ nguồn dự phòng xã để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, nhiệm vụ phát sinh khác (4 xã 776trđ) (Số đã chi hết 30/6)	418.439.394	418.439.394						418.439.394	-
2	Văn phòng Đảng ủy xã	300.000.000	300.000.000	-	-	-	-	-	-	300.000.000

STT	Tên đơn vị	Dự toán sau sắp xếp							Số đã chi đến hết tháng 6/2025 (theo số liệu đối chiếu với KBNN ngày 30/6/2025)	Dự toán còn lại
		Tổng cộng	Dự toán chi ngân sách xã sau điều chỉnh (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)	Dự toán bổ sung trước sắp nhập (Theo các quyết định trước sắp xếp do UBND huyện phân bổ chi tiết, UBND xã phân bổ chi tiết)						
				Tổng cộng	Từ nguồn tỉnh	Từ nguồn huyện	Từ nguồn xã	Từ nguồn khác		
1	2	3=4+5	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11=3-10
-	Dự phòng NS huyện cũ	300.000.000	300.000.000	-	-	-	-	-	-	300.000.000
	QĐ 2772/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND huyện Bình Giang BSKP mua sắm, sửa chữa, cải tạo trụ sở ..đảm bảo các hoạt động của chính quyền cấp xã mới (phân bổ cho VP Đảng ủy xã thực hiện)	300.000.000	300.000.000						-	300.000.000
3	Phòng Kinh tế	131.379.000	131.379.000	-	-	-	-	-	-	131.379.000
-	Dự phòng NS huyện cũ	131.379.000	131.379.000	-	-	-	-	-	-	131.379.000
	QĐ 2397/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ BS kp cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường (thực hiện xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025) (Số dự toán còn lại chưa chi)	131.379.000	131.379.000							131.379.000
4	Trường THCS Vĩnh Hồng	67.133.000	67.133.000	-	-	-	-	-	9.465.000	57.668.000
-	Dự phòng NS huyện cũ	67.133.000	67.133.000	-	-	-	-	-	9.465.000	57.668.000
	Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Bình Giang cũ bổ sung kp cho nhà trường	67.133.000	67.133.000	-					9.465.000	57.668.000
5	Dự toán chưa phân bổ	4.480.961.956	4.480.961.956							4.480.961.956